

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/LĐ-PT

Ngày: 18-3-2021

V/v Tranh chấp bồi thường thiệt  
hại về tiền lương, bảo hiểm, công  
tác phí khoán.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Phương.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Tôn.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Tấn Tài  
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLPT-LĐ, ngày 17 tháng 11 năm  
2020, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tiền lương, bảo hiểm, công tác phí  
khoán*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm  
2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 529/2020/QĐ-PT,  
ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Tấn B, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Giám đốc (có  
đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Nguyễn Thành N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bùi Văn H, sinh năm 1967 (có mặt).

3.3 Lê Văn N, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Lê B, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Lê Văn H, sinh năm 1969 (có mặt).

3.6 Trần Quang K, sinh năm 1962 (có mặt).

3.7 Trần Chí L, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.8 Lê Văn K, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3.9 Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Tấn B là nguyên đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn ông Lê Tấn B trình bày:***

Nguyên nhân vào ngày 16/5/2013, ông được 172 thành viên hợp tác xã M giới thiệu bầu ông làm Kiểm soát trưởng Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M với mức lương 3.100.000đ/tháng; Tham gia và được hưởng toàn bộ chế độ bảo hiểm y tế, xã hội và chi phí khoán một vụ là 300.000 đồng, đã thông qua Đại hội thành viên biểu quyết.

Đến năm 2015 Đại hội thành viên hợp tác xã lần 2, Hội đồng quản trị báo cáo tài chính không rõ ràng, phức tạp mất cân đối, mất vốn hợp tác xã trên 300.000.000 đồng, sau đó có 84 thành viên hợp tác xã viết đơn yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M tổ chức đại hội bất thường, để giải trình làm rõ và công văn số 01/BKT-HTX xã M, yêu cầu Hội đồng quản trị và Kiểm soát hợp tác xã tổ chức đại hội lại, giải trình rõ việc thu chi tài chính mất cân đối, mất vốn hợp tác xã, làm mất lòng tin thành viên.

Ngày 18/5/2016 Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ và Ban kinh tế hợp tác xã Mỹ Đ và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hợp tại Hội trường UBND xã thống nhất vào ngày 28/5/2016 tổ chức đại hội lại, nhưng Hội đồng quản trị không tổ chức đại hội. Sau đó, Đoàn kiểm tra của huyện Thập Mười tiến hành kiểm tra Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M có biên bản kết luận ngày 03/4/2017. Việc vi phạm của Hội đồng quản trị Hợp tác xã và từ tháng 01/2017 Hội đồng quản trị Hợp tác xã ngang nhiên cắt toàn bộ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chi phí khoán của kiểm soát từ tháng 01/2017 đến 30/8/2018. Đây là việc làm sai trái của Hội đồng quản trị Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M, gây khó khăn cho đời sống của bản thân và gia đình ông.

Nay, ông Lê Tấn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M chi trả toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại do Hội đồng quản trị đã gây ra, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 cụ thể như sau:

- Tiền lương: 20 tháng x 3.100.000đ = 62.000.000đ.
- Bảo hiểm xã hội 01 năm 06 tháng = 3 tháng lương = 9.300.000đ.
- Chi phí công tác khoán 04 vụ x 300.000đ = 1.200.000đ.

Tổng cộng số tiền là 72.400.000đ (Bảy mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

***Bị đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Mỹ Đ là ông Nguyễn Văn L (giám đốc Hợp tác xã) trình bày:***

Từ năm 2013 đến tháng 12 năm 2016, Hợp tác xã chi trả tiền lương cho ông B là 3.100.000đồng/tháng, thời gian này Hợp tác xã thực hiện theo Thông tư số 74/2008/TTLT/BTC-BNN ngày 14/8/2008.

Đến năm 2015 theo Thông tư 83/2015 mới thay thế cho Thông tư 74/2008 (không còn hiệu lực); nhưng Hợp tác xã vẫn chi cho ông Lê Tấn B là 3.100.000đồng cho đến tháng 12/2016.

Đến tháng 01/2017, Hợp tác xã thực hiện theo Luật Hợp tác xã năm 2012, theo Điều 39, khoản 5 (Thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên được hưởng thù lao và được chi trả các chi phí cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ).

Vào ngày 29/3/2016 Hội đồng quản trị, tổ chức Đại hội thường niên có thông qua Tờ trình số 03/TTr-HTX về việc thực hiện chế độ tiền lương và thù lao đối với ban quản lý điều hành Hợp tác xã và thù lao đối với Hội đồng quản trị và

kiểm soát Hợp tác xã đã được Đại hội thống nhất (Có biên bản kèm theo). Nhưng ông Bền không đồng ý và khiếu nại.

Đến ngày 26/12/2016 Hội đồng quản trị, tiếp tục họp bàn giải quyết vấn đề tiền lương của ông B có mời lãnh đạo xã Mỹ Đ tham dự và góp ý kiến thống nhất chi thù lao là 650.000đồng kể từ tháng 01/2017, nếu có thay đổi chờ đại hội quyết định (Có biên bản kèm theo). Nhưng ông B cũng không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Đến ngày 06/5/2018 Hội đồng quản trị, tiếp tục có báo cáo giải trình những thắc mắc của ông B, trong đó có vấn đề về tiền lương (Có biên bản kèm theo) nhưng ông B vẫn chưa chịu.

Đến ngày 19/5/2018, Chi bộ ấp 2 tổ chức mời Hội đồng quản trị Hợp tác xã và ông B dự họp để giải quyết một số vấn đề thắc mắc của ông B trong đó có vấn đề tiền lương, kết luận hội nghị thống nhất chung về tiền lương của ông B sẽ tiếp tục đưa ra đại hội biểu quyết (Có biên bản kèm theo).

Đến ngày 17/7/2018, Đại hội hết nhiệm kỳ 2013 – 2018 Hội đồng quản trị, tiếp tục xin ý kiến thành viên và được thành viên biểu quyết thống nhất chi mức thù lao cho ông Bền là 650.000đ/tháng (Có biên bản kèm theo).

- Về bảo hiểm xã hội: Kể từ tháng 01/2017, ông B hưởng mức chi trả thù lao là 650.000 đồng, không phải là lương nên không thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội. Vấn đề này Hội đồng quản trị Hợp tác xã có thông báo cho ông B đến liên hệ với bảo hiểm xã hội Huyện, để làm thủ tục nhận tiền trước đây ông B có tham gia bảo hiểm nhưng ông không đến.

- Về chế độ công tác phí: Hội đồng quản trị thực hiện theo Luật hợp tác xã năm 2012, Điều 39 khoản 5. Do ông B không tham gia thực hiện nhiệm vụ cùng với Hợp tác xã, cùng với Hội đồng quản trị, nên Hội đồng quản trị không chi các khoản công tác phí cho ông là đúng. Như vậy:

+ Tiền thù lao của ông B là 650.000đồng được Hợp tác xã thực hiện chi trả ông đã viết biên nhận tiền rồi (Có biên nhận kèm theo). Hợp tác xã khẳng định không nợ lương ông B như ông đã yêu cầu bồi thường.

+ Do ông B hưởng mức chi trả thù lao là 650.000đồng không phải là lương nên Hợp tác xã không thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2017 cho ông. Còn phần trước đây ông có tham gia bảo hiểm xã hội, ông nên đến liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện để được chi trả.

+ Về công tác phí: Do ông không tham gia công tác cùng với Hội đồng quản trị, với Hợp tác xã nên Hợp tác xã không chi công tác phí cho ông là đúng.

Với những trình bày trên, Hợp tác xã không đồng ý theo yêu cầu của ông Bền.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Thành N, Bùi Văn H, Lê Văn N, Lê B, Lê Văn H, Trần Quang K, Trần Chí L, Lê Văn K, Nguyễn Thị Ngọc B thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn L, không có ý kiến và yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

**Bản án sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 17/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Tháp M tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B, về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Mỹ Đ, bồi thường thiệt hại số tiền là 69.400.000 đồng (trong đó tiền lương từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/7/2018 là 19 tháng x 3.100.000 đồng/tháng = 58.900.000 đồng; bồi thường tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 là 01 năm 6 tháng = 3 tháng lương x 3.100.000 đồng = 9.300.000 đồng; bồi thường tiền công tác phí khoán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 là 04 vụ x 300.000 đồng/một vụ = 1.200.000 đồng).

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Tấn B không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, (do ông B được miễn nộp tạm ứng án phí lao động sơ thẩm).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

**Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2020 ông Lê Tấn B kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 17/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Tháp M.**

Yêu cầu Tòa phúc thẩm buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M chi trả tiền cho ông Bền như sau:

+ Tiền lương 19 tháng là: 19 x 3.100.000 đồng = 58.900.000 đồng.

+ Tiền bảo hiểm xã hội là: 16 tháng x 3.100.000 đồng = 9.300.000 đồng.

+ Phí tiền công tác khoán là: 04 vụ x 300.000 đồng = 1.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, ông B tiếp tục giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử buộc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M (gọi tắt Hợp tác xã) chi trả cho ông tiền lương, bảo hiểm xã hội và khoán công tác phí, tổng cộng số tiền là 69.400.000đ;

Bị đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M có ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt, không gửi ý kiến khác, được xem là giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa sơ thẩm, yêu cầu phúc thẩm xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của ông B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có ý kiến là Hợp tác xã thực hiện đúng các quyền lợi cho ông B theo pháp luật, đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Viện kiểm sát nhận định đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt tại phiên tòa và Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N, ông L theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Ông Lê Tấn B là người lao động, làm việc theo Hợp đồng lao động đối với chủ sử dụng lao động là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M (gọi tắt là Hợp tác xã), hoạt động theo Luật hợp tác xã, từ năm 2013, ông B được Đại hội Hợp tác xã bầu giữ nhiệm vụ Kiểm soát trưởng, đến ngày 01/01/2015 thì hai bên ký kết hợp đồng lao động theo pháp luật, ông B được Hợp tác xã trả lương lần lượt theo các mức 2.300.000 đồng, 2.600.000 đồng và từ đầu năm 2016 đến hết tháng 12/2016 ông B nhận hưởng mức lương 3.100.000 đồng và khoán công tác phí mỗi vụ sản xuất là 300.000 đồng, mức chi trả này là theo Thông tư số 74/2008/TTLT/BTC-BNN ngày 14/8/2008 và Quy chế tài chính của Hợp tác xã; từ tháng 01/2017 thực hiện theo Thông tư mới số 83/2015/TT-BTC ngày

28/5/2015 của Bộ tài chính và Quy chế tài chính mới của Đại hội Hợp tác xã nhiệm kỳ mới sửa đổi thì các chức danh trong Ban quản lý Hợp tác xã, trong đó có ông B Kiểm soát trường không còn được trả lương, mà chuyển sang trả thù lao, mức tiền hưởng của tất cả mọi người đều giảm xuống cho đúng theo quy định của pháp luật; theo đó ông B được hưởng mức 650.000 đồng/tháng, phí công tác chi theo thực tế, không còn khoán như trước.

[3] Ông B khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã phải chi trả, bồi thường phần thiệt hại của ông từ ngày 01/01/2017 đến 30/8/2018 đối với các khoản ông bị giảm về lương, mất thu nhập về Bảo hiểm xã hội, tiền phí khoán, tổng cộng 69.400.000 đồng, vì ông B cho rằng Hợp tác xã ngang nhiên cắt toàn bộ tiền lương, bảo hiểm, chi phí khoán của ông, gây thiệt hại quyền lợi của ông. Nhưng ông B không tranh chấp, không khởi kiện, mà đã chấp nhận nhận tiền thù lao 650.000 đồng/tháng theo quy định mới liên tục đến hết tháng 7/2018; tình tiết này đã chứng minh ông B biết rõ quyền và lợi ích của ông bị vi phạm từ thời điểm ngày 01/01/2017, nhưng đến ngày 02/12/2019 ông B mới làm đơn khởi kiện và nộp đến Tòa án huyện Tháp M nhận ngày 03/12/2019, là đã kéo dài thời gian đến 02 năm 11 tháng; theo quy định tại Khoản 2, Điều 202 Bộ luật Lao động thì: Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm. Như vậy, tuy thời hiệu khởi kiện đã hết, nhưng các bên đương sự không ai đặt yêu cầu về xem xét thời hiệu, nên Tòa án sơ thẩm không xem xét về thời hiệu và tiến hành xét xử, quyết định tuyên án là đúng quy định pháp luật.

[4] Ông B không phải là công chức hay viên chức trong biên chế nhà nước, nên không có hệ số lương theo thang, bậc lương có tính ổn định theo hướng phát triển theo quy định của nhà nước; mà ông B là người lao động hợp đồng, làm nhiệm vụ kiểm soát của Hợp tác xã, theo loại hình kinh tế tập thể, nên lương, cũng như các chế độ chi phí đãi ngộ khác phải thực hiện theo Luật Hợp tác xã, các văn bản quy phạm pháp luật khác của Bộ, Ngành trung ương có liên quan hướng dẫn và Điều lệ, Quy chế tài chính của Hợp tác xã do Đại hội thành viên Hợp tác xã quy định, phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã, được thay đổi theo nhiệm kỳ đại hội phù hợp với quy định của pháp luật theo từng giai đoạn mà cơ quan nhà nước có sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, từ năm 2013 đến hết tháng 12/2016 ông B được hưởng lương mức cao nhất là 3.200.000 đồng, còn từ 01/01/2017 trở về sau do pháp luật có thay đổi, bổ sung mới, Hợp tác xã không còn trả lương, mà chuyển sang chi trả thù lao, mức thù lao đã được đại hội Hợp tác xã thống nhất ấn định, mức tiền thù lao mới có giảm xuống, người lao

động hưởng ít hơn, mọi người có chức danh đều giảm, không phải chỉ riêng một mình ông B và mức 650.000 đồng/tháng ông B cũng đã được chi trả đầy đủ, cho nên ông B cho rằng Hợp tác xã tự cắt giảm, gây thiệt hại lợi ích của ông B, ông B yêu cầu Hợp tác xã bồi thường là không có căn cứ.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhận định và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên có đủ cơ sở kết luận, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật; kháng cáo yêu cầu của ông B không phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo, phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông B phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn nộp tiền án phí.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 34, Điều 36, Điều 39 Luật hợp tác xã năm 2012; Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn B. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐ-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B, về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp M, bồi thường thiệt hại số tiền là 69.400.000 đồng (trong đó tiền lương từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/7/2018 là 19 tháng x 3.100.000 đồng/tháng = 58.900.000 đồng; bồi thường tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 là 01 năm 6 tháng = 3 tháng lương x 3.100.000 đồng = 9.300.000 đồng; bồi thường tiền công tác phí khoán từ ngày



01/01/2017 đến ngày 30/8/2018 là 04 vụ x 300.000 đồng/một vụ = 1.200.000 đồng).

3. Về án phí lao động: Ông Lê Tấn B được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp M;
- CCTHADS huyện Tháp M;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Bùi Văn Phương**